

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05-3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

Thư ký phiên toà: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 813/2020/TLST–HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1989; địa chỉ: Đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc N trình bày có nội dung:

Chị Phan Thị Ngọc N và anh Nguyễn Huy T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Vợ chồng chị N, anh T hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm không hợp nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh T thường xuyên bỏ nhà đi mà không nói đi đâu, mỗi lần chị

N hỏi thì vợ chồng lại cãi nhau. Chị N đã nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, từ khi sống ly thân thì vợ chồng anh, chị chưa quay về chung sống với nhau ngày nào. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc N và anh Nguyễn Huy T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Triệu V, sinh ngày 16/10/2013. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh Nguyễn Huy T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Huy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thị Ngọc N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Huy T. Hiện tại, bị đơn anh Nguyễn Huy T đang cư trú tại đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Huy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Huy T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Phan Thị Ngọc N và anh Nguyễn Huy T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 5 năm 2013 tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm không hợp nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng chị N, anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, từ khi sống ly thân thì vợ chồng anh, chị chưa quay về chung sống với nhau ngày nào. Nay chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh T nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Quá trình chung sống thì chị Phan Thị Ngọc N và anh Nguyễn Huy T có xảy ra mâu thuẫn và đã có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị N, anh T không yêu cầu hòa giải ở địa phương mà chuyển đến Tòa án giải quyết. Nay chị N làm đơn xin ly hôn với anh T thì địa phương cung cấp những thông tin như trên để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét về mâu thuẫn giữa chị N và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N với anh T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Phan Thị Ngọc N và anh Nguyễn Huy T có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Triệu V, sinh ngày 16/10/2013. Hiện con chung còn nhỏ và đang ở với chị N; khi ly hôn nguyện vọng của chị N là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V cho đến khi đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu V nên giao cháu Nguyễn Phan Triệu V cho chị Phan Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp. Như vậy, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V là mong muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Ngọc N không yêu cầu anh Nguyễn Huy T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc N.

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc N được ly hôn với anh Nguyễn Huy T.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Phan Triệu V, sinh ngày 16/10/2013 cho chị Phan Thị Ngọc N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Huy T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Ngọc N không yêu cầu anh Nguyễn Huy T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp (Nguyễn Thị Hoài N nộp thay) theo biên lai số 0012928 ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Đức